

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29./2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2007.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500

Khu đất Công ty dệt 8-3

Địa điểm: phường Vĩnh Tuy - quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật xây dựng;

Căn cứ Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính Phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 02/2006/NĐ-CP ngày 05/01/2006 của Chính phủ về quy chế khu đô thị mới;

Căn cứ Quyết định số 108/1998/QĐ - TTg ngày 20 tháng 6 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020;

Căn cứ công văn số 424/TTg-NN ngày 14/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất khu đất Công ty Dệt 8-3 từ chức năng công nghiệp sang chức năng dân dụng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 16/2000/QĐ-UB ngày 14/02/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết quận Hai Bà Trưng, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 74/2003/QĐ-UB ngày 17/06/2003 của UBND Thành phố Hà Nội về việc di chuyển các cơ sở sản xuất không còn phù hợp quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu vực các quận nội thành;

Căn cứ Quyết định số 7101/QĐ-UB ngày 26/10/2005 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 khu đất Công ty Dệt 8/3 tại phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch Kiến trúc tại Tờ trình số 144/TTr-QHKT ngày 30/01/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất công ty dệt 8-3 tại phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội do Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội lập và hoàn thành tháng 1 năm 2007 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Vị trí, giới hạn và quy mô:

1.1. Vị trí:

Khu đất Công ty Dệt 8-3 nằm phía Đông Nam Thành phố Hà Nội; thuộc ranh giới hành chính phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

1.2. Giới hạn:

- Phía Bắc giáp phố Minh Khai.
- Phía Đông giáp Công ty dệt kim Đông Xuân và dân cư hiện có phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng.
- Phía Tây giáp Trường Cao đẳng Kinh tế – Kỹ thuật, Nhà máy chỉ khâu và khu dân cư phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng.
- Phía Nam giáp Nhà máy sợi Hà Nội.

1.3. Quy mô:

- Tổng diện tích đất trong ranh giới lập quy hoạch: 226.830 m².
- Tổng số dân trong phạm vi quy hoạch khoảng 3.540 người.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ:

- Cụ thể hoá Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội, quy hoạch chi tiết quận Hai Bà Trưng đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Đánh giá hiện trạng xây dựng trong khu vực và khả năng quỹ đất dự kiến phát triển trên cơ sở tính toán và cân đối các nhu cầu đất đai của khu vực để khai thác hợp lý, hiệu quả quỹ đất hiện có.
- Xây dựng một khu đô thị mới hiện đại với đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, cây xanh, tạo cảnh quan môi trường cho khu vực; Khớp nối đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật giữa khu đô thị và khu dân cư hiện có, đảm bảo phát triển ổn định, bền vững.
- Bổ sung quỹ đất xây dựng nhà ở và các công trình khác phục vụ nhu cầu của Thành phố.
- Xác định chức năng các khu đất theo quy hoạch, trong đó dành quỹ đất để bố trí các công trình dịch vụ công cộng, cây xanh thể thao vui chơi giải trí, bãi đỗ xe... phục vụ cho khu vực.
- Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan; đáp ứng yêu cầu về không gian kiến trúc đô thị, hình thành một quần thể các công trình kiến trúc hiện đại, tạo bộ mặt kiến trúc đô thị cho khu vực.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả quỹ đất hiện có, đề xuất danh mục các dự án cần đầu tư xây dựng để UBND Thành phố chỉ đạo thực hiện theo quy hoạch.
- Là cơ sở pháp lý để lập dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn Thành phố.
- Hình thành điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Nội dung quy hoạch chi tiết:

3.1. Quy hoạch kiến trúc:

3.1.a. Quy hoạch sử dụng đất :

**Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất trong phạm vi nghiên cứu
lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500**

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)
	* Đất thuộc chức năng thành phố và khu vực	77.170	34,0
1	Đất cơ quan, văn phòng cho thuê	43.250	19,0
2	Đất công trình công cộng thành phố và khu vực	11.740	5,2
3	Đất đường khu vực	22.180	9,8
	* Đất thuộc đơn vị ở	149.660	66,0
4	Đất công trình công cộng đơn vị ở	4.940	2,2
5	Đất cây xanh đơn vị ở	10.980	4,8
6	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	4.940	2,2
7	Đất trường học	22.390	9,9
8	Đất ở	74.980	33,0
	- Đất xây dựng nhà ở thấp tầng	30.460	
	- Đất xây dựng nhà ở cao tầng	44.520	
9	Đất giao thông	31.430	13,9
	- Đất bãi đỗ xe tập trung	1.470	
	- Đất đường nhánh	29.960	
	Tổng cộng	226.830	100

* Dân số đạt được trong phạm vi quy hoạch khoảng: 3.540 người

3.1.b. Giải pháp Phân bổ quỹ đất xây dựng:

Tổng diện tích trong phạm vi lập quy hoạch chi tiết khoảng 226.830m², được phân bổ gồm 6 ô quy hoạch và đất đường quy hoạch (mặt cắt ≥ 17,5m):

Tổng diện tích 06 ô quy hoạch khoảng 174.756m². Trong các ô quy hoạch bao gồm các lô đất xây dựng được phân chia theo chức năng sử dụng. Diện tích, chức năng sử dụng đất và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho từng lô đất xây dựng trong các ô quy hoạch được quy định tại bảng sau:

Bảng thống kê chỉ tiêu sử dụng đất các ô đất quy hoạch

Ô đất quy hoạch	Lô đất xây dựng	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu cơ bản đạt được					Ghi chú	
					Diện tích xây dựng (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích sàn xây dựng công trình (m ²)		Tầng cao bình quân (tầng)		Hệ số sử dụng đất (lần)
							Công cộng	Nhà ở			
I		Ô quy hoạch 1		5.160							
	I.1	Cây xanh đơn vị ở	CX	2.580							
	I.2	Nhà ở cao tầng	CT	2.580	1.000	38,8	5.000	5,0	1,9		
II		Ô quy hoạch 2		9.070							
	II	Văn phòng, trụ sở cơ quan	CQ	9.070	3.100	34,2	223.770	7,7	2,6	- Dành cho nhu cầu của Tổng công ty dệt may và các Công ty thành viên	
III		Ô quy hoạch 3		56.570							
	III.1	Văn phòng cho thuê	CQ	34.180	8.450	24,7	95.540	11,3	2,8		
	III.2	Trường THCS	TH	22.390	4.000	17,9	7.960	2,0	0,4	- Quy mô khoảng 1.020 học sinh (kết hợp với trường THCS hiện có phục vụ cho cả 2 đơn vị ở)	
IV		Ô quy hoạch 4		11.740							
	IV	Công cộng thành phố và khu vực	CC	11.740	3.650	31,1	33.750	9,2	2,9	- Gồm các chức năng công trình thương mại dịch vụ, văn hóa, khách sạn cao cấp... kết hợp ga ra ngầm sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án	
V		Ô quy hoạch 5		90.680							
	V.1	Nhà ở cao tầng	CT	26.420	6.800	25,7	6.800	70.630	11,4	2,9	- Tầng 1 kết hợp làm dịch vụ công cộng
	V.2	Cây xanh đơn vị ở	CX	8.400	250	3,0	250		1,0	0,1	
	V.3	Công cộng đơn vị ở	CC1	4.940	1.980	40	4.540		2,3	0,9	- Gồm các chức

											năng công trình thương mại dịch vụ, quản lý hành chính, bưu điện, trạm y tế, trung tâm TĐTT... sẽ được xác định trong giai đoạn lập dự án
	V.4	Nhà trẻ, mẫu giáo	NT	4.940	1.065	21,6	1.065		1,0	0,2	- Quy mô khoảng 248 cháu
	V.5	Nhà ở thấp tầng	TT	30.460	11.150	36,6		33.450	3,0	1,1	
		- Đường vào nhà (B= 11,5m)		9.360							
		- Đất xây dựng nhà ở		21.100	11.150	52,8		33.450	3,0	1,6	- Quy mô bình quân đất nhà vườn biệt thự khoảng 150m ² /hộ
	V.6	Nhà ở cao tầng	CT	15.520	4.800	30,9	4.800	38.400	9,0	2,8	- Tầng 1 kết hợp làm dịch vụ công cộng
	V.6.A	- Nhà ở cao tầng		8.870	2.400	27,1	2.400	19.200	9,0	2,4	- Quỹ đất 20% đất xây dựng nhà ở cao tầng dành cho các nhu cầu của Thành phố
	V.6.B	- Nhà ở cao tầng		6.650	2.400	36,1	2.400	19.200	9,0	3,2	
VI		Ô quy hoạch 6		1.470							
	VI	Bãi đỗ xe tập trung	P	1.470							
VII		Đường quy hoạch		52.140							
		- Đất đường phân khu vực (B= 30 - 40m)		22.180							
		- Đất đường nhánh (B=>17,5m)		29.960							
		TỔNG CỘNG:		226.830	46.245	20,4	178.475	147.480	7,0	1,4	

Trong đó lô đất xây dựng nhà ở cao tầng (lô V.6.A) có diện tích khoảng 8.870m² (chiếm khoảng 20% quỹ đất xây dựng nhà ở cao tầng) thực hiện theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của UBND Thành phố Hà Nội để phục vụ yêu cầu phát triển nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội...

Đối với các ô đất xây dựng văn phòng; công trình công cộng thành phố và khu vực tầng cao và hệ số sử dụng đất có thể cao hơn nhưng không vượt quá quy chuẩn xây dựng và phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

3.1.c. Bố cục không gian quy hoạch kiến trúc và cảnh quan:

- Bố trí các công trình, cụm công trình cao tầng tại các vị trí có không gian và tầm nhìn lớn, tạo các điểm nhấn đô thị, đảm bảo môi trường vi khí hậu cho khu đô thị. Các công trình thấp tầng kết hợp cây xanh bố trí bên trong theo hướng liên kết không gian cây xanh, mặt nước từ phía Đông. Nhà ở bố trí bao quanh các công trình công cộng thấp tầng hình thức kiến trúc đẹp, hài hoà với cảnh quan; cây xanh thể dục thể thao tạo ra không gian sinh hoạt thân thiện cho người dân trong khu vực. Công trình cao nhất khoảng 24 tầng.

- Các khối nhà cao tầng trong khu đất có tầng 1 được bố trí phục vụ công cộng cùng với cây xanh, sân vườn, chỗ đỗ xe tại chân các công trình.

- Nhà trẻ, mẫu giáo xây dựng hợp khối kết hợp với sân chơi vườn hoa, đảm bảo môi trường sư phạm.

3. 2. Quy hoạch mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật

3.2.a. Quy hoạch giao thông:

* *Đường thành phố:*

+ Tuyến đường Vành đai 2, mặt cắt ngang điển hình rộng 53,5m. Thực hiện theo dự án riêng.

* *Đường cấp phân khu vực gồm 2 tuyến:*

+ Tuyến phía Nam khu quy hoạch (hướng Đông Tây) nối từ tuyến đường quy hoạch Minh Khai – Vĩnh Tuy – Yên Duyên đến đường phân khu vực hướng Bắc – Nam giữa khu quy hoạch, mặt cắt ngang điển hình rộng 40m.

+ Tuyến đường hướng Bắc - Nam (ở giữa khu quy hoạch) có mặt cắt ngang điển hình rộng 30 m.

* *Các tuyến đường nhánh:*

- Tuyến dọc theo ranh giới phía Đông khu quy hoạch có mặt cắt ngang điển hình rộng khoảng 22m.

- Tuyến dọc theo ranh giới phía Tây khu quy hoạch có mặt cắt ngang điển hình rộng khoảng 20,7-21,3m.

- Tuyến đường hướng Đông - Tây (phía Bắc khu quy hoạch) có mặt cắt ngang điển hình rộng 17,5m, cải tạo mở rộng trên cơ sở đường hiện có.

* *Các tuyến đường vào nhà:*

Mạng lưới các tuyến đường vào nhà có mặt cắt ngang điển hình rộng 11,5m.

* *Nơi đỗ xe:*

- Bãi đỗ xe tập trung bố trí ở phía Đông Bắc khu quy hoạch có diện tích khoảng 1470m². Ngoài ra dọc hai tuyến đường nhánh phía Đông và phía Tây của khu quy hoạch có bố trí hai dải đỗ xe dọc ven đường.

- Đối với các công trình nhà ở thấp tầng phải tự đảm bảo chỗ đỗ và để xe trong công trình.

- Các công trình nhà ở và các công trình công cộng cao tầng khi lập dự án đầu tư xây dựng phải có giải pháp thiết kế tự đảm bảo nhu cầu đỗ xe trong khuôn viên công trình (sân, đường xung quanh công trình), tầng hầm và tầng một của công trình theo tiêu chuẩn thiết kế nhà cao tầng.

- Riêng ga ra đỗ xe chung cho khu vực bố trí tại tầng hầm công trình công cộng và trong khuôn viên ô quy hoạch có ký hiệu CC IV, khi lập dự án đầu tư xây

dụng, quy mô chỗ đỗ xe ngoài việc đảm bảo nhu cầu đỗ xe của bản thân công trình công cộng còn phải đáp ứng thêm một phần cho nhu cầu đỗ xe của khu vực.

3.2.b. San nền, thoát nước mưa:

** San nền:*

- Cao độ san nền khu quy hoạch cao nhất $H_{max}=6,80m$; thấp nhất $H_{min}=6,05m$.

** Thoát nước mưa :*

- Mạng lưới thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng tự chảy.

- Các tuyến cống thoát nước mưa ngoài việc đảm bảo thoát nước mặt cho khu quy hoạch còn đảm bảo tiêu thoát nước cho các khu vực lân cận.

- Hướng thoát nước: vào tuyến mương hiện có ở phía Nam và thoát nước ra sông Gạo (phía Đông khu quy hoạch). Lâu dài, tuyến mương này sẽ cống hóa và hành lang mương hiện nay được sử dụng để trồng cây xanh hoặc xây dựng bãi đỗ xe.

- Mạng lưới cống thoát nước mưa:

+ Các tuyến cống thoát nước chính có kích thước B 0,8m x H 1,0m - B 1,5m x H 1,0m xây dựng dọc các tuyến đường nhánh (phía Tây, phía Đông) và tuyến đường B=30m (ở giữa khu quy hoạch).

+ Các tuyến cống nhánh có kích thước B 0,6m x H 0,8m - B 0,8m x H 1,0m xây dựng dọc các tuyến đường nhánh và đường vào nhà, thu nước ở từng ô đất dẫn về các tuyến cống chính.

3.2.c. Quy hoạch cấp nước

** Nguồn nước:*

- Cấp nước cho khu quy hoạch từ tuyến ống $\Phi 300mm$ sẽ xây dựng dọc theo phố Minh Khai. Trước mắt khi chưa xây dựng tuyến cống $\Phi 300mm$ trên đường Minh Khai, cải tạo trạm cấp nước hiện có của Công ty Dệt 8-3, kết hợp với tuyến ống phân phối $\Phi 200mm$ hiện có dọc theo phố Minh Khai để cấp nước cho công trình.

** Mạng lưới cấp nước :*

- Các tuyến ống phân phối chính đường kính $\phi 110 - \phi 200mm$.

- Các tuyến ống phân phối, dịch vụ đường kính $\phi 50 - \phi 90mm$ xây dựng dọc theo các tuyến đường quy hoạch để cấp nước cho các công trình và cụm công trình.

- Đối với các công trình thấp tầng, nước được cấp trực tiếp từ các đường ống cấp nước. Các công trình cao tầng nếu thiết kế hệ thống cấp nước chung không đảm bảo yêu cầu áp lực, có thể cấp nước thông qua trạm bơm và bể chứa đặt trong tầng kỹ thuật của công trình.

** Cấp nước chữa cháy:*

Yêu cầu lắp đặt đủ các họng cứu hỏa trên các tuyến ống cấp nước phân phối $\phi 110 \div \phi 200mm$ thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy.

3.2.d. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường :

** Quy hoạch thoát nước thải*

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải đảm bảo riêng hoàn toàn, đảm bảo yêu cầu thoát nước triệt để cho từng ô đất.

- Hướng thoát nước: tuyến cống thoát nước thải đường kính D600mm sẽ xây dựng trên tuyến đường quy hoạch Minh Khai - Vĩnh Tuy – Yên Duyên (phía Đông khu quy hoạch) để dẫn về trạm xử lý nước thải chung của thành phố tại Yên Sở.

- Hệ thống cống thoát nước:

Xây dựng mạng lưới cống thu nước thải dọc theo các tuyến đường Quy hoạch, bao gồm

+ Tuyến cống chính có đường kính D400mm.

+ Các tuyến cống nhánh có đường kính D300- 400mm và cống bản kích thước BxH = 0,3mx0,5m.

* *Rác thải:*

- Đối với các công trình cao tầng phải có hệ thống thu gom rác thải từ trên cao xuống bể rác cho từng đơn nguyên.

- Đối với khu vực xây dựng nhà thấp tầng và nhiều tầng: Rác thải sinh hoạt được thu gom trực tiếp bằng xe đẩy tay theo giờ cố định hoặc thu gom vào các thùng rác và công ten nơ kín để vận chuyển hàng ngày về khu xử lý chất thải rắn tập trung của thành phố.

+ Ở các nơi công cộng như khu vực cây xanh, đường trục chính... đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín với khoảng cách 100m/thùng.

3.2.e. Quy hoạch cấp điện:

* *Nguồn cấp điện:*

Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch được lấy từ trạm biến áp 110/35/22-6KV Mai Động thông qua 2 lộ cáp ngầm 35KV (371,372) hiện đang cấp điện cho Công ty Dệt 8-3.

* *Mạng lưới cấp điện:*

- Mạng trung thế: Xây dựng tuyến cáp 35KV đấu nối từ lộ 371,372 hiện có ở phía Nam, đi ngầm trên dọc trên hè tuyến đường B=30m để cấp điện cho các trạm biến 35-22/0,4KV của khu quy hoạch.

- Mạng phân phối:

+ Trạm biến áp phân phối 35-22/0,4KV.

+ Mạng hạ thế 0,4KV chiếu sáng sinh hoạt và chiếu sáng đèn đường: sử dụng cáp ngầm bố trí đi dọc theo các tuyến đường quy hoạch và các dải lưu không cấp điện cho các phụ tải sinh hoạt và chiếu sáng đèn đường.

3.2.g. Quy hoạch hệ thống thông tin – bưu điện:

- Nguồn cấp: khu quy hoạch được cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc từ tổng đài vệ tinh Chợ Mơ -5000 số ở phía Tây Bắc, thông qua mạng cáp quang hiện có đi trên đường Minh Khai.

- Mạng lưới cấp thông tin – bưu điện xây dựng ngầm trên mạng lưới đường của khu quy hoạch.

Điều 2. - Giám đốc Sở Quy hoạch Kiến trúc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND Thành phố và Pháp luật về nội dung, chất lượng hồ sơ thẩm định; kiểm tra,

xác nhận hồ sơ, bản vẽ phù hợp với Quyết định này trong vòng 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực; Chủ trì phối hợp với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội và UBND quận Hai Bà Trưng tổ chức công bố công khai Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Công ty Dệt 8-3 được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện;

- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội tổ chức nghiên cứu, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với đồ án quy hoạch chi tiết khu đất này, trình cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát xây dựng theo quy hoạch được duyệt và xử lý việc xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch Kiến trúc, Xây dựng, Giao thông công chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Tài chính; Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Tuy; Giám đốc Công ty Dệt 8/3; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ngành, các tổ chức, cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *U*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ : XD, KH & ĐT, TNMT, CN;
- TT Thành ủy và TT HĐND TP;
- Chủ tịch và các PCT UBND TP ;
- Các PVP, TH, CN, NN, XD, Xn;
- Lưu: VP.



Nguyễn Quốc Triệu

